

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC H  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày 09 - 6 - 2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC H, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Tính

*Các vị Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Văn Vệ

2. Ông Hà Bảo Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Tấn L, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Năm Đảm, xã Lương Thế Trân, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Tăng Quốc T, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thu Th, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 4, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2021 và các lời trình bày tại Tòa án anh Trương Tấn L (Nguyên đơn) trình bày như sau:

Vào ngày 06, 07/8/2020 anh T và chị Th có vay của ông L số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Để đảm bảo khoản vay anh T và chị Th có làm 03 hợp đồng chuyển nhượng cho ông L, cụ thể:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 659479, sổ vào sổ giấy chứng nhận H

00825 được Ủy ban nhân dân huyện Ngọc H cấp ngày 09/7/2007, giá chuyển nhượng 155.000.000 đồng.

Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và tài sản gắn liền với đất, diện tích chuyển nhượng  $3 \times 20 = 60 \text{ m}^2$ , giá chuyển nhượng 25.000.000 đồng.

Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và tài sản gắn liền với đất, diện tích chuyển nhượng  $4 \times 18 = 72 \text{ m}^2$ , giá chuyển nhượng 20.000.000 đồng.

Lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng (tương đương 6.000.000 đồng/tháng), hai bên giả cách lãi suất bằng văn bản thỏa thuận cho thuê lại nhà và đất của 03 hợp đồng nêu trên.

Tôi nhiều lần liên hệ nhưng phía anh T và bà Thúy không đóng lãi cho tôi. Nay yêu cầu anh T và bà Thúy trả các khoản gốc và lãi như sau: Tiền gốc 200.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 07/8/2020 đến ngày 09/6/2022.

Tổng cộng tiền gốc và lãi: 200.000.000 đồng + 73.040.000 đồng = 273.040.000 đồng. Anh T, và Th đã trả số tiền 12.000.000 đồng. Trừ số tiền đã trả 12.000.000 đồng. Nay yêu cầu anh T, chị Th phải trả số tiền 261.040.000 đồng.

- Anh Tăng Quốc T trình bày: Anh T thừa nhận có thiếu anh L số tiền vốn 200.000.000 đồng và đồng ý trả lãi tính từ ngày 07/8/2020 cho đến nay.

Đối với chị Đoàn Thu Th vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 79A/2021/TB-TLVA ngày 07/01/2022 nhưng anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th đều không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân huyện Ngọc H và cũng không có đơn yêu cầu phản tố.

Ngoài ra, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th. Tuy nhiên anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thu Th đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị Đoàn Thu Th không đến để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử xem như đương sự đã tự từ bỏ thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đoàn Thu Th là phù hợp.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn anh Trương Tấn L với bị đơn là anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th trả số tiền vốn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) đã vay ngày 06, 07/8/2020. Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết không phải chứng minh. Do anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp giấy thỏa thuận nhận nợ mà anh T, chị Th đã ký nhận. Sau khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh T, chị Th không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc anh T, chị Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn thấy rằng: Tại biên nhận nợ của anh T, chị Th ngày 07/8/2020 lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 200.000.000 đồng, tính từ ngày 07/8/2020 cho đến nay. Xét thấy, việc yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn đối với số tiền vốn 200.000.000 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa, anh T đã thừa nhận có thiếu anh L số tiền vốn 200.000.000 đồng và đồng ý trả lãi tính từ ngày 07/8/2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và anh T, chị Th có thỏa thuận lãi suất nhưng khi đến hạn anh T, chị Th không trả đầy đủ nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cụ thể:

Số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 07/8/2020 đến ngày 09/6/2022 là 22 tháng, được tính như sau:  $200.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} (= 1.66\%/\text{tháng}) \times 22 \text{ tháng} = 73.040.000 \text{ đồng}$ . Đối trừ số tiền anh T đã trả cho anh L 12.000.000 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi buộc anh T, chị Th trả cho anh L là 273.040.000 đồng – 12.000.000 đồng = 261.040.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

[5] Đối với các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L và anh T, chị Th. Tại phiên tòa, anh L và anh T xác định đây là hợp đồng giả cách nên anh L và anh T thống nhất hủy việc giao dịch này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th phải chịu 13.052.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 91, 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Tấn L.

1. Buộc anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th trả cho anh Trương Tấn L số tiền 261.040.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự: Anh Tăng Quốc T, chị Đoàn Thu Th phải chịu 13.052.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc H. Anh Trương Tấn L không phải chịu án phí, đã dự nộp số tiền 5.886.000 đồng theo biên lai số 0006626 ngày 14/7/2021, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc H.

Án xử sơ thẩm công khai, anh L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Bế Tạm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc H;
- THADS huyện Ngọc H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Minh Tính**